

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2018

V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Thanh Bình;**

2. Bà **Trần Thị Trúc Mai.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thảo Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Thanh Thúy** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **22 tháng 5 năm 2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2017/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2017 về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị Kim L**, sinh năm: 1993.

Cư trú: Tổ 27, ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm: 1987

Cư trú: Tổ 24, ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa bà L có mặt, ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai bà **Đặng Thị Kim L**, trình bày: Hôn nhân của bà với ông L là do mai mối, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại vào năm 2016. Do điều kiện cuộc sống khó khăn, vợ chồng lên Bình Dương để làm công nhân. Tuy nhiên, ông L không lo làm ăn mà chỉ lo ăn nhậu và kiếm chuyện chửi mắng và đuổi bà ra khỏi nhà trọ, bà cố gắng chịu đựng để ông L sửa đổi nhưng ông L vẫn không khắc phục, tính nết tệ nấy nên bà bỏ về cha mẹ ruột bà sống.

Trong thời gian ly thân gia đình hai bên cũng cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng do bà không còn tình cảm với ông L nên không thể tiếp tục chung sống, bà và ông L đã ly thân nhau từ tháng 12 năm 2016 đến nay. Nay bà xin được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông L không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông L không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông L từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai thông báo thụ lý và hòa giải nhưng ông vẫn không có mặt và Tòa án đã đến tận nhà của ông để ghi lời khai nhưng do ông không có mặt ở địa phương nên đã tiến hành lập biên bản về việc không làm việc được với đương sự vào ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Chứng cứ thu thập được:

Bà Nguyễn Thị T (mẹ ruột của ông L) trình bày: Con bà là ông L cưới bà L từ năm 2016 hôn nhân do mai mối và cha mẹ hai bên quyết định. Khi đám cưới xong thì vợ chồng bỏ lên Bình Dương sinh sống, lúc đầu cuộc sống vẫn bình thường, vợ chồng vẫn gửi tiền về cho bà. Sau đó, bà L nói với L là về nhà đi đám cưới người thân trong gia đình, nhưng không hiểu vì sao bà L lại làm đơn xin ly hôn với con bà nên bà cũng không biết, bà có điện thoại cho bà L thì bà nói là do ông L uống rượu bà nói mà ông L không nghe, gia đình của hai bên có đứng ra hàn gắn cho hai bên nhưng không có kết quả và bà L đã trả lại vàng cưới cho gia đình bà. Nay bà không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của bà L.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử được đảm bảo. Về nội dung giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà L xin ly hôn với ông L. Bà L hiện đang cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa ông L và bà L có đăng ký kết hôn tại xã N, huyện A, tỉnh An Giang vào năm 2016 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà L xin được ly hôn với ông L, HĐXX xét thấy:

Mặc dù Tòa án không trực tiếp làm việc được với ông L và ông cũng không tham gia hòa giải tại Tòa án. Tuy nhiên, qua làm việc với bà L và qua kết quả xác minh với lời trình bày của bà Nguyễn Thị T (mẹ ruột của ông L) có thể nhận định rằng, bà L và ông L đã có một thời gian đầu của cuộc hôn nhân chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến bà L và bà L đã tạo cho ông L cơ hội nhưng ông không khắc phục sửa chữa. Từ đó, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vợ chồng cũng đã ly thân nhau trong một thời gian khá dài, từ tháng 12 năm 2016 đến nay và bà L đã tự nguyện trả lại nữ trang cho trong ngày cưới cho gia đình ông L.

Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do đó yêu cầu ly hôn của bà L là chính đáng và hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng:* Các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.**

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Kim L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về án phí: Bà Đặng Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm (được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0002735 ngày 15/01/2018).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/5/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKSND huyện A (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện A (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thanh Hoàng